

ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ

(Warrent Buffett & Benjamin Graham)

Chúng tôi tập trung vào các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng trong tương lai, sức khỏe tài chính lành mạnh, có lịch sử chi trả cổ tức cao & đều, đi kèm rủi ro biến động giá thấp

MỤC TIÊU: Tối đa hóa **LỢI NHUẬN** bao gồm **CỔ TỨC VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ** trên cơ sở một mức độ **RỦI RO THẤP**.

Phù hợp với **NHÀ ĐẦU TƯ TRUNG & DÀI HẠN**, chấp nhận **RỦI RO** ở mức độ **THẤP**.

THỜI GIAN NẮM GIỮ: > 1 NĂM

THỜI GIAN TÁI CƠ CẤU DANH MỤC: THEO THÁNG / SỰ KIỆN BẤT THƯỜNG.

MỨC SINH LỜI KỶ VỌNG

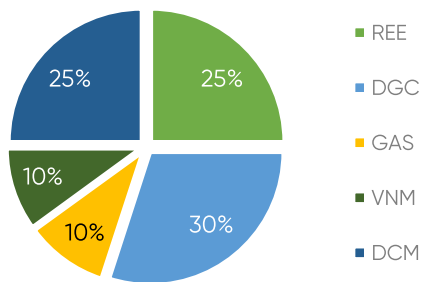
18%

tỷ suất sinh lời kỳ vọng

DANH MỤC MẪU

Mã CK	EPS	TB tăng trưởng LNTT 5 năm	TB ROE 5 năm	TB ROA 5 năm	Nợ vay/VCSH	Cổ tức tiền mặt 2022	Beta	P/E	P/B
REE	5.879	17,50%	16,02%	7,95%	53,00%	1.000	0,66	9,8x	1,6x
DGC	9.010	114,12%	37,73%	27,59%	8,00%	4.000	1,37	9,3x	3,1x
GAS	5.283	8,39%	21,03%	15,29%	10,00%	3.600	0,70	16,5x	3,2x
VNM	4.027	-2,90%	32,82%	20,72%	21,00%	3.850	0,86	21,3x	4,7x
DCM	3.050	46,98%	21,48%	14,92%	3,00%	3.000	1,31	8,4x	1,6x

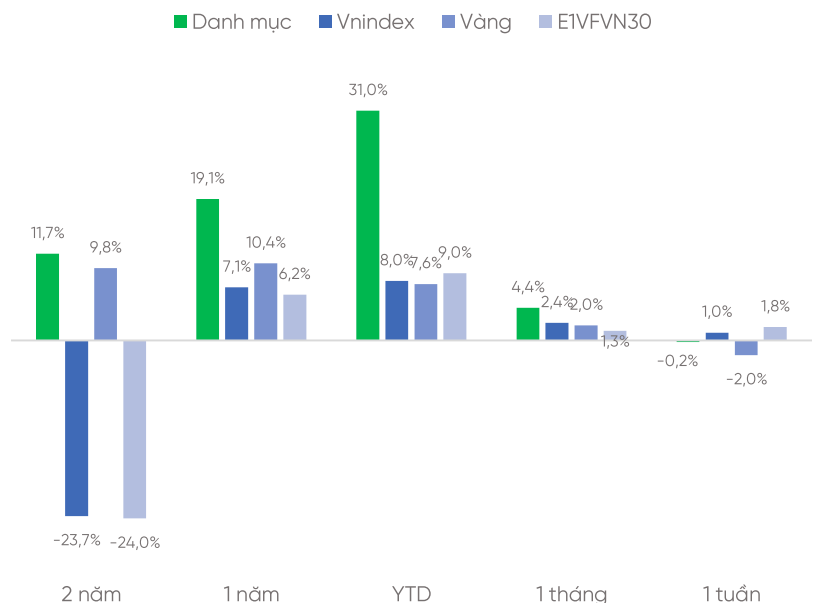
Phân bố tỷ trọng mã CP



Hiệu suất đầu tư danh mục mẫu và danh mục thực tế sẽ có sự khác nhau do tác động bởi các yếu tố liên quan tới thời gian giao dịch, tính thành công của giao dịch, và các chi phí phát sinh trong quá trình giao dịch.

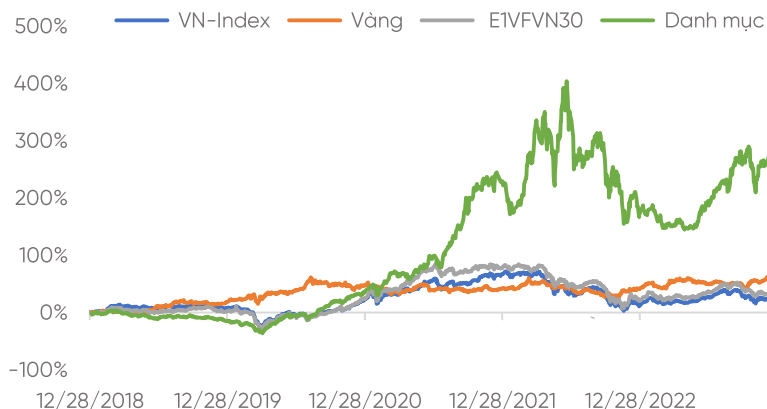
DM đầu tư mẫu chỉ là tham chiếu cho các quyết định đầu tư, bán, cơ cấu danh mục và không phản ánh số cổ phần nắm giữ trong danh mục thực tế.

Hiệu quả hoạt động DM

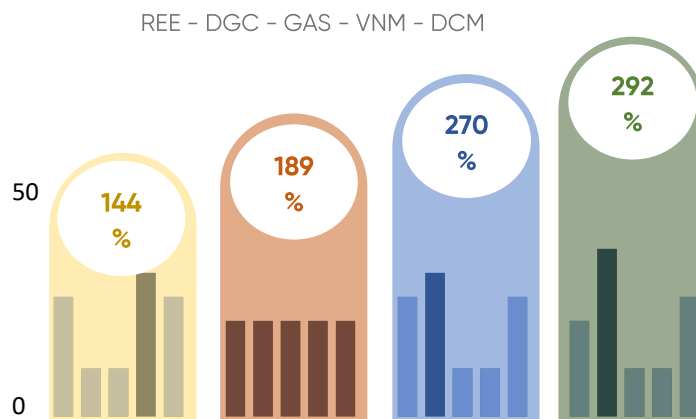


BIẾN ĐỘNG HIỆU QUẢ DANH MỤC

So sánh hiệu quả Danh mục



Biến động hiệu quả DM theo tỷ trọng mã CP



THÔNG TIN CẬP NHẬT MÃ CỔ PHIẾU TRONG DANH MỤC

Mã CP	Ngành	Giá mục tiêu	Tiêu điểm đầu tư
REE	SX công nghiệp	VND 68.200	<ul style="list-style-type: none"> Vị thế đầu ngành trong lĩnh vực cơ điện lạnh với lợi thế từ đội ngũ quản lý và là công ty M&E đầu tiên tại Việt Nam Dòng tiền ổn định đến từ mảng cho thuê văn phòng và mảng hạ tầng điện nước sẽ là nguồn lực để REE đầu tư thêm cho mảng năng lượng tái tạo - mảng hoạt động chiến lược trong dài hạn.
DGC	Hóa chất	VND 98.200	<ul style="list-style-type: none"> DN đầu ngành với chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nguyên liệu đầu vào, có năng lực sản xuất phốt pho vàng (P4) lớn nhất cả nước. Triển vọng tăng trưởng nhu cầu phốt pho vàng trên toàn cầu khả quan nhờ làn sóng 5G khi phốt pho vàng được pha tạp với silicon để tăng khả năng dẫn điện của chất bán dẫn.
GAS	Dầu khí	VND 109.800	<ul style="list-style-type: none"> DN đầu ngành khí Việt Nam với tiềm lực và sức khỏe tài chính lành mạnh. Quy mô tiếp tục được mở rộng. Cổ tức cao từ 30-35%/năm. Đóng vai trò quan trọng khi là đơn vị cung cấp LNG cho các nhà máy điện - nguyên liệu rất cần thiết cho ngành năng lượng điện khí. Triển vọng từ dự án Lô B - Ô Môn nhờ bù đắp sản lượng khí giảm từ các bể cũ như Cửu Long và Nam Côn Sơn.
VNM	Thực phẩm	VND 76.800	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện chiến dịch tái định vị thương hiệu kì vọng giúp chiếm lại thị phần và tăng trưởng tại thị trường xuất khẩu. Biên lợi nhuận bắt đầu mở rộng nhờ giá đầu vào giảm & giá bán tăng nhẹ.
DCM	Hóa chất	VND 36.800	<ul style="list-style-type: none"> Việc nhà máy phân bón của DCM dự kiến kết thúc khấu hao trong quý 3/2023, hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận từ quý 4/2023 trở đi. Giá Urê đã có sự phục hồi nhẹ trong T7/2023 sau khi chấm dứt chuỗi giảm kể từ cuối năm 2022 tạo động lực để giá Urê không điều chỉnh sâu hơn và sớm thiết lập mức giá cân bằng trở lại.

QUY TRÌNH XÂY DỰNG DANH MỤC



- Xác định mục tiêu đầu tư:
 - Thời hạn đầu tư
 - Mức độ ưa thích rủi ro
- Các tiêu chí sàng lọc:
 - Chỉ số tài chính
 - Thanh khoản
 - Giá trị DN
 - Ý kiến tin cậy của kiểm toán
 - Khả năng chống chọi nguy cơ khủng hoảng
- Lựa chọn 5 CP, kiểm nghiệm số liệu quá khứ về sự tăng trưởng của CP và DM trên thực tế
- Phân tích tình hình tài chính & thực hiện dự phóng
 - Sử dụng mô hình định giá phù hợp xác định giá trị DN
 - Đánh giá vị thế của DN trên thị trường
- Phân bổ tài sản dựa trên:
 - Lợi nhuận giả định trong tương lai
 - Rủi ro
 - Mức độ biến động giá
- Đánh giá các tin tức trọng yếu ảnh hưởng đến giá trị tương lai của DM
 - Cập nhật KQKD theo quý
 - Xem xét thay đổi tỷ trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý & nghiên cứu

BẢNG MÔ PHỎNG HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Ngày	Đầu tư/tháng	Vốn đầu tư	Biến động VN-Index	Mức sinh lời DM	NAV
12/31/2020	5.000.000	5.000.000	10,0%	7,6%	5.373.073
1/29/2021	5.000.000	10.000.000	5,3%	-0,2%	9.981.645
2/26/2021	5.000.000	15.000.000	16,5%	15,3%	17.229.671
3/31/2021	5.000.000	20.000.000	18,8%	18,0%	23.485.637
4/29/2021	5.000.000	25.000.000	23,6%	12,3%	27.988.098
5/31/2021	5.000.000	30.000.000	32,4%	20,2%	35.896.185
6/30/2021	5.000.000	35.000.000	40,4%	31,3%	45.691.778
7/30/2021	5.000.000	40.000.000	30,6%	31,7%	52.356.084
8/31/2021	5.000.000	45.000.000	32,7%	53,1%	68.260.679
9/30/2021	5.000.000	50.000.000	33,8%	67,3%	82.729.251
10/29/2021	5.000.000	55.000.000	44,0%	80,0%	97.842.677
11/30/2021	5.000.000	60.000.000	47,4%	79,8%	106.567.574
12/31/2021	5.000.000	65.000.000	49,4%	69,5%	108.918.570
1/28/2022	5.000.000	70.000.000	47,4%	43,6%	99.662.822
2/28/2022	5.000.000	75.000.000	48,6%	67,2%	123.918.560
3/31/2022	5.000.000	80.000.000	48,8%	97,5%	155.707.636
4/29/2022	5.000.000	85.000.000	36,3%	90,6%	159.776.822
5/31/2022	5.000.000	90.000.000	28,9%	87,5%	166.477.169
6/30/2022	5.000.000	95.000.000	19,4%	85,7%	173.997.895
7/29/2022	5.000.000	100.000.000	20,3%	52,1%	150.468.742
8/31/2022	5.000.000	105.000.000	27,7%	72,3%	178.557.894
9/30/2022	5.000.000	110.000.000	12,9%	44,6%	157.488.257
10/31/2022	5.000.000	115.000.000	2,5%	43,1%	162.985.389
11/30/2022	5.000.000	120.000.000	4,5%	24,7%	148.691.870
12/30/2022	5.000.000	125.000.000	0,4%	16,9%	145.424.411
1/31/2023	5.000.000	130.000.000	10,8%	20,6%	155.996.292
2/28/2023	5.000.000	135.000.000	2,2%	5,2%	141.772.977
3/31/2023	5.000.000	140.000.000	6,1%	5,9%	147.976.899
4/28/2023	5.000.000	145.000.000	4,6%	3,6%	150.102.371
5/31/2023	5.000.000	150.000.000	7,2%	6,8%	159.852.509
6/30/2023	5.000.000	155.000.000	11,7%	17,7%	181.544.129
7/31/2023	5.000.000	160.000.000	21,9%	30,5%	207.291.432
8/31/2023	5.000.000	165.000.000	22,0%	36,3%	223.002.480
9/29/2023	5.000.000	170.000.000	15,1%	41,5%	238.415.392
10/31/2023	5.000.000	175.000.000	2,5%	18,2%	205.784.270
11/30/2023	5.000.000	180.000.000	9,1%	34,2%	239.610.200

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của VPBankS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Tỷ lệ (Giá mục tiêu - Giá hiện tại) / Giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
TĂNG TỶ TRỌNG	$10\% - < 20\%$
THEO DÕI	$< 10\%$

Email:

Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.